TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 35/2025/HS-ST
Ngày: 30 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Mức.
Ông Lương Phi Hùng.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Tuấn Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2025/TLST-HS, ngày 11 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

- <u>*Bị cáo thứ nhất*</u>: **Bùi Văn T**, sinh ngày 26/10/2000 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn D và bà Trần Thị Kim C; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/01/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- <u>*Bị cáo thứ hai*</u>: **Trần Minh H**, sinh ngày 10/02/2005 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Thị Trúc N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/01/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Anh **Nguyễn Hữu N1**, sinh ngày 11/01/2005 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.
- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:
1. Chị **Bùi Thị Mỹ L**, sinh năm 1993 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.
2. Chị **Trần Thị Kim T2**, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ.
- *Người làm chứng*:
1. Anh **Nguyễn Tuấn K**, sinh năm 2000
Địa chỉ: Tổ E, Khóm D, phường T, thị xã B, Vĩnh Long.
2. Anh **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1982
Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
3. Anh **Huỳnh Hiếu N2**, sinh năm 1995
Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện B, Vĩnh Long.
4. Chị **Nguyễn Thị Ú**, sinh năm 1996
Địa chỉ: Khóm B, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.
5. Anh **Phạm Huỳnh Trọng N3**, sinh năm 1990
Địa chỉ: Khóm A, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.
6. Anh **Võ Quốc D1**, sinh năm 1985
Địa chỉ: Khóm A, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.
7. Anh **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1995
Địa chỉ: Ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.
(Tất cả người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 15/11/2024, các bị cáo Trần Minh H, Bùi Văn T cùng với một người có tên thường gọi là R (chưa xác định tên, họ và địa chỉ cụ thể) đến nhà người quen là anh Nguyễn Tuấn K tại Khóm D, phường T, thị xã B. Đến khoảng 00 giờ ngày 16/11/2024, R rủ H, T, K cùng nhau đi chơi thì H và T đồng ý còn K thì không đi.

T điều khiển xe biển số 64H7-0723 chở R, còn H điều khiển xe riêng (không nhớ biển số), cả ba xuất phát từ nhà của K đến xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Khi đi ngang qua cửa hàng C2 thuộc ấp T, xã T, thị xã B thì nhìn thấy anh Nguyễn Hữu N1 đang nằm võng phía sau đuôi xe tải đậu trước cửa hàng C2 bấm điện thoại chờ giao hàng nên nảy sinh ý định cướp điện thoại của anh N1. Sau khi chạy được một

đoạn thì R kêu T và H dừng xe lại, R rủ T và H quay lại cướp điện thoại của anh N1 thì T và H đồng ý.

Cả ba quay xe lại chạy qua chỗ anh N1 một đoạn thì dừng lại rồi bàn bạc đi gửi xe của H sau đó quay lại cướp tài sản. R kêu T và H chạy đến chỗ ở của anh Dương Văn T4 dưới gầm cầu C thuộc ấp T, xã T, thị xã B để gửi xe. Sau khi gửi xe xong, T điều khiển xe 65H7-0723 chở R và H chạy xe qua chỗ anh N1 được một đoạn thì quay xe lại và dừng tại chỗ anh N1 đang nằm võng, T ngồi trên xe nổ máy chờ sẵn còn R và H đi lại chỗ của anh N1 nằm, R hỏi: "Có tiền không, cho mấy chục xài", anh N1 nói: "không có", lúc này anh N1 đứng dậy thì bị R dùng bình xịt hơi cay xịt vào mặt của anh N1 nên anh N1 bỏ chạy lên phía cabin xe chỗ anh Nguyễn Văn T3 ngủ, vừa chạy anh N1 vừa la lên: "Cướp, cướp anh T3 ơi", lúc này R kêu H: "Điện thoại để dưới võng kìa, lấy đi" thì H lại võng lấy điện thoại nhưng do điện thoại để dưới lớp võng thứ hai nên H không lấy được và bỏ đi, thấy vậy R lại võng lấy điện thoại của N1 rồi cùng với T và H lên xe của T chạy về nhà anh K.

Khi về đến có K ở nhà, R lấy điện thoại ra lấy sim và mở khóa điện thoại không được, sau đó H lấy điện thoại để thử mở khóa, H bấm 6 số 1 thì mở được khóa và truy cập vào điện thoại và chơi game, sau đó đưa điện thoại cho Rồng giữ, do trời tối chưa bán được điện thoại nên R, H, T bàn bạc đến sáng sẽ đem bán. Đến sáng ngày 16/11/2024, T chở H và R ra tiệm điện thoại Quốc D1 do anh Võ Quốc D1 làm chủ tại Khóm A, phường T, thị xã B để bán nhưng anh D1 không mua, nên cả ba trở về nhà của K.

Sau đó K và R đem điện thoại đến cửa hàng điện thoại Khắc C1 do anh Phạm Huỳnh Trọng N3 làm chủ tại Khóm A, phường T, thị xã B để bán nhưng không được nên quay về nhà của K. Rồng tiếp tục gọi điện thoại cho anh Huỳnh Hiếu N2 để bán điện thoại, N2 kêu R đến nhà gặp chị Nguyễn Thị Ú (vợ của N2) tại Khóm C, phường C, thị xã B và tại đây chị Ú cầm điện thoại trên với giá là 300.000 đồng, sau khi cầm điện thoại xong thì R và K đi về nhà của K và nói với T và H là chưa bán được điện thoại. Đến trưa ngày 16/11/2024, R quay lại nhà chị Ú chuộc lại điện thoại, sau đó cầm điện thoại về nhà của K đến tối cùng ngày R mang theo điện thoại bỏ đi.

Đến ngày 18/11/2024, anh Nguyễn Hữu N1 đến Công an xã T, thị xã B trình báo sự việc. Cùng ngày thì H và T đến Công an thị xã B tự thú và thừa nhận cùng với Rồng cướp tài sản của anh N1 là 01 điện thoại di động hiệu Oppo reno 8 vào ngày 16/11/2024.

Theo Kết luận giám định số 69/KL-KTHS ngày 10/02/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh V kết luận:

Không phát hiện dấu vết chỉnh sữa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong tệp video cần giám định có tên "6047940040500.mp4", dung lượng: 01 phút 28 giây, mã MD5: 7D3777AE947129CBE81563C86208003C.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 34/KL.ĐGTS, ngày 10/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã B kết luận: 01 điện thoại OPPO RENO 8, sử dụng năm 2022 có giá trị là 4.000.000 đồng.

Quá trình điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô biển số 65H7- 0723 là xe của chị Bùi Thị Mỹ L (chị của bị cáo T) mà các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện để cướp tài sản. Về điện thoại của bị hại thì cả 02 bị cáo đã bồi thường xong theo yêu cầu của bị hại bằng số tiền 4.000.000 đồng.

- Tại Cáo trạng số 35/CT-VKSBM, ngày 10/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long truy tố các bị cáo Trần Minh H, Bùi Văn T về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị*:

+ Về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt: Tuyên các bị cáo Trần Minh H, Bùi Văn T phạm tội "Cướp tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 54, 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên phạt bị cáo Trần Minh H mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Tuyên phạt bị cáo Bùi Văn T mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của 02 bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 22/01/2025).

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Trả cho chị Bùi Thị Mỹ L 01 xe mô tô biển số 65H7- 0723 (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/6/2024).

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng các Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Phần tranh luận*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và Kiểm sát viên không tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo là xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh V, Công an thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, của người làm chứng, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và còn phù hợp với các biên bản hoạt động điều tra cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ xác định:

Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 16/11/2024, các bị cáo Trần Minh H, Bùi Văn T và một người có tên thường gọi là R sử dụng xe mô tô mang biển số 65H7-0723 điều khiển ngang qua khu vực cửa hàng C2 thuộc ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long thì nhìn thấy bị hại anh Nguyễn Hữu N1 đang bấm điện thoại chờ giao hàng, sau đó các bị cáo cướp 01 điện thoại di động hiệu OPPO RENO 8 có giá trị là 4.000.000 đồng của anh Nguyễn Hữu N1.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Trần Minh H, Bùi Văn T phạm tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự theo như luận tội của Kiểm sát viên.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, sức khỏe, tinh thần của người khác mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo cùng với R sử dụng bình xịt hơi cai để tấn công bị hại và dùng xe mô tô làm phương tiện để cướp tài sản nhằm nhanh chóng chạy thoát, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa có sự câu kết chặt chẽ, chỉ là đồng phạm Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để có đủ thời gian các bị cáo cải tạo, sửa chữa trở thành

người tốt, có ích cho xã hội. Qua đó, nhằm đấu tranh ngăn chặn và phòng ngừa chung cho xã hội đối với loại tội phạm này.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú và đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường tài sản xong cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, khi quyết định hình phạt cần được xem các tình tiết trên là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 65H7- 0723 mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện để cướp tài sản, xe này là tài sản của chị Bùi Thị Mỹ L (chị của bị cáo T), chị L không biết các bị cáo sử dụng để đi cướp tài sản nên trả lại cho chị L theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường xong theo yêu cầu của bị hại và bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

7.1. Đối với người có tên R: Cùng các bị cáo cướp tài sản nhưng do chưa xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể. Khi nào Cơ quan điều tra xác minh làm rõ sẽ được xử lý sau.

7.2. Đối với Nguyễn Tuấn K: Anh K không biết việc R, T, H cướp điện thoại, không tham gia bàn bạc việc bán điện thoại, khi thấy R đi bán điện thoại thì K xin đi theo. Hơn nữa, K không hưởng lợi gì từ việc bán điện thoại nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

7.3. Đối với Huỳnh Hiếu N2: Anh N2 không biết nguồn gốc điện thoại do R bán và không mua điện thoại của Rồng nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

7.4. Đối với Nguyễn Thị Ú: Chị Ú là người nhận cầm điện thoại từ Rồng và không biết điện thoại này do cướp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

7.5. Đối với Võ Quốc D1 và Phạm Trọng N3: Cả hai không biết nguồn gốc điện thoại do R bán và cũng không mua điện thoại của Rồng nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Trần Minh H, Bùi Văn T phạm tội "Cướp tài sản".

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 các Điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên phạt bị cáo **Trần Minh H 03 (ba) năm tù**.

Tuyên phạt bị cáo **Bùi Văn T 03 (ba) năm tù**.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của hai bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 22/01/2025).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Trả cho chị Bùi Thị Mỹ L 01 xe mô tô biển số 65H7- 0723 có màu trắng kem, không kiểm tra hiện trạng bên trong, trong quyết định chuyển vật chứng không thể hiện số khung số sườn (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/6/2024).

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp TVL;
- Phòng hồ sơ CATVL;
- VKS TX Bình Minh;
- CA TX Bình Minh;
- Chi cục THADS TXBM;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo, Bị hại;
- Người TGTT khác (nếu có);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyên Khoa